TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-PT
Ngày 20-02-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đàm Văn T; cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Lằn - Luật sư, Cộng tác viên Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn P; cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Thị T; vắng mặt.

2. Anh Đàm Văn H; có mặt.

3. Chị Đàm Thị H; vắng mặt.

4. Chị Đàm Thị O; vắng mặt.

5. Bà Nông Thị N; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị T; anh Đàm Văn H; chị Đàm Thị H; chị Đàm Thị O; bà Nông Thị N: Ông Đàm Văn T (theo các văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018); có mặt.

6. Bà Sầm Thị V; vắng mặt.

7. Anh Phùng Xuân H; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sầm Thị V, anh Phùng Xuân H: Ông Phùng Văn P (theo các văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018); có mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Q: Ông Nông Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Đàm Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự, Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Đàm Văn T có một thửa đất rừng xảy ra tranh chấp với ông Phùng Văn P. Tháng 01 năm 2018 ông Đàm Văn T khởi kiện ông Phùng Văn P tại Tòa án nhân dân huyện T. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T diện tích đất tảnh chấp là 251,1m^2, là một phần thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121, tại địa danh K, Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn ông Đàm Văn T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây là khu đất rừng đồi trọc, do mẹ ông là bà Nông Thị N khai phá từ những năm 1987-1988 để làm nương trồng sắn và canh tác ổn định hàng năm. Đến năm 1993, ông làm thủ tục kê khai và được cấp sổ bìa xanh đối với hai lô đất là lô đất số 119, diện tích 03 ha và lô đất số 120, diện tích 0,7ha, ông Đàm Văn T cho rằng diện tích đất tranh chấp nằm trong lô đất số 120, diện tích 0,7ha của gia đình ông. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng, khi nhận đất rừng thôn B, trong Sổ lâm bạ xã Q năm 1994 thì ông Đàm Văn T thay đổi lời khai và cho rằng gia đình ông chỉ được cấp 01 lô đất trong Sổ bìa xanh là lô số 119, diện tích 03 ha và cho rằng đất tranh chấp nằm trong lô đất 119 này. Sau khi nhận giao đất, gia đình ông trồng cây hồi trên đất và quản lý, bảo vệ cây hồi ổn định. Đến năm 1997, gia đình ông Phùng Văn P thuê người lấy máy ủi san bằng diện tích đất tranh chấp hiện nay, nên hai bên gia đình xảy ra tranh chấp. Từ đó đến nay phần đất tranh chấp vẫn để nguyên hiện trạng không ai được quản lý, sử dụng canh tác.

Năm 2008, khi có chủ trương cấp đổi sổ bìa xanh sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông Đàm Văn T làm thủ tục kê khai cấp đổi sổ bìa xanh đối với lô đất số 119, diện tích 03 ha và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa đất số 344, diện tích 16.323m^2. Ông Đàm Văn T khẳng định diện tích đất rừng đang tranh chấp nằm trong lô đất số 119, sổ bìa xanh của gia

đình ông quản lý. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông Phùng Văn P phải chấm dứt việc tranh chấp, trả lại diện tích đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng và ông đồng ý trả tiền công san ủi mặt bằng cho Phùng Văn P số tiền là 5.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phùng Văn P trình bày: Khu đất rừng đang tranh chấp hiện nay có địa danh K, trước đây là khu đất rừng đồi trọc, không ai quản lý, canh tác. Khoảng thời gian năm 1992-1993, ông cùng em vợ là ông Sầm Văn M thuê máy ủi san bằng một khu đất rừng K để dự định hai gia đình chuyển ra đây làm nhà sinh sống, chính là phần đất hiện nay có tranh chấp với gia đình ông Đàm Văn T. Khi ông và ông M thuê người ủi đất thì gia đình ông Đàm Văn T cũng không có ý kiến gì. Sau đó, vì khu vực này vắng vẻ, không có người ở, lại không có nguồn nước nên hai gia đình chưa chuyển ra đây để ở, thỉnh thoảng ông và gia đình phát quang để giữ đất. Đến khoảng giữa năm 2017, gia đình ông Đàm Văn T cho rằng diện tích đất mà ông san ủi nằm trong sổ bìa xanh của ông Đàm Văn T, nên xảy ra tranh chấp với gia đình ông. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn T đòi quyền quản lý, sử dụng, yêu cầu gia đình ông Đàm Văn T phải chấm dứt việc tranh chấp để cho gia đình ông quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là bà Nông Thị N, bà Nông Thị T, anh Đàm Văn H, chị Đàm Thị H, chị Đàm Thị O trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm như quan điểm của nguyên đơn ông Đàm Văn T đã trình bày, không có ý kiến gì bổ sung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà Sầm Thị V, anh Phùng Xuân H trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm như quan điểm của bị đơn ông Phùng Văn P đã trình bày, không có ý kiến gì bổ sung.

Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tràng Định do ông Nông Văn Đ, đại diện trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước những năm 1990- 992 là đất rừng bỏ hoang do Nhà nước quản lý. Sau đó do ông Phùng Văn P san ủi đất làm nền nhà và quản lý từ năm 1992 đến năm 2013 thì ông Đàm Văn T có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp và kéo dài cho đến nay. Diện tích đất tranh chấp hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vẫn thuộc Ủy ban nhân dân xã Q quản lý, mục đích sử dụng là trồng cây lâu năm và không thuộc đất quy hoạch.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ 16/5/2018: Tổng diện tích đất tranh chấp là 251,1m^2, là một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121 xã Q, trước đây là thửa đất số 328, tờ bản đồ địa chính số 02 xã Q. Trên diện tích đất tranh chấp có một số bụi cây, hai bên đương sự xác định không có giá trị. Trị tài sản đất tranh chấp là 10.546.200 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn, quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, các Điều 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 101, 166, khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Văn T đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 251,1m^2, là một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121 xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

2. Tạm giao diện tích đất 251,1m^2, là một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121 xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho ông Phùng Văn P được quyền quản lý sử dụng, ranh giới tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155, chiều dài cạnh là 18,61m;

- Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155, chiều dài cạnh là 12,63m;

- Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155 có chiều dài cạnh là 12,07m;

- Phía Tây giáp đường quốc lộ 3B, có tổng chiều dài các cạnh là 6,71m + 12,43m + 13,59m.

(có sơ họa khu đất kèm theo).

Ông Phùng Văn P có nghĩa vụ đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/11/2018, ông Đàm Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đàm Văn T giao diện tích đất tranh chấp 251,1m^2 cho gia đình ông quản lý sử dụng; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ buộc ông Phùng Văn P phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đàm Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng diện tích đất tranh chấp do mẹ ông khai phá, gia đình ông quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1987, năm 1994 gia đình kê khai và được cấp sổ bìa xanh, gia đình ông đã trồng hồi, ông yêu cầu hoãn phiên tòa để yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn giám định lại và xác định diện tích đất tranh chấp do trước đó ông lầm tưởng đất tranh chấp thuộc lô 119 nhưng sau khi xem xét lại ông khẳng định đất tranh chấp thuộc lô 120, diện tích 0,7ha ông đã được giao theo Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 15/10/1994 của UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích đối chiếu với sổ lâm ba, sổ bìa xanh, xác định gia đình ông chỉ được giao một lô đất 119 không được giao lô đất số 120 nên ông Đàm Văn T đã không yêu cầu giám định lại và khẳng định đất tranh chấp năm trong lô 119 và ông yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông Đàm Văn T đã có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính xã Q, ông Phùng Văn P không có giấy tờ gì đất, đề nghị giao quyền quản lý quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đàm Văn T.

Tại phiên tòa, cả hai bên đương sự không ai bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và giữ nguyên nội dung và yêu cầu đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Kháng cáo của ông Đàm Văn T trong thời hạn luật định nên là hợp lệ. Về nội dung kháng cáo, theo kết quả thu thập chứng cứ, không có căn cứ để xác định diện tích 251,1m^2 đất tranh chấp thuộc lô đất số 119 của ông Đàm Văn T được giao theo sổ bìa xanh. Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp trước những năm 1990- 992 là đất rừng bỏ hoang sau đó do ông Phùng Văn P thuê máy san ủi mặt bằng làm nền nhà và quản lý từ năm 1992 đến năm 2013 xảy ra tranh chấp, kéo dài cho đến nay; các nhân chứng trình bày trước đó không thấy gia đình ông Tấn canh tác quản lý, sử dụng. Do vậy bản án sơ thẩm xử giao cho ông Phùng Văn P được quản lý, sử dụng là đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm và sửa phần lời tuyên "tạm giao đất" là không chính xác, cần sửa "giao đất".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cào của ông Đàm Văn T lập trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện khu đất tranh chấp có nguồn gốc là khu đồi rừng bỏ hoang do Nhà nước quản lý, ông Đàm Văn T cho rằng, nguồn gốc đất là do mẹ ông là bà Nông Thị N đã khai phá và canh tác làm nương trồng sắn trên khu đất rừng này từ những năm 1987- 1988 và sau đó, gia đình ông canh tác ổn định trên đất hàng năm, nhưng ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông Đàm Văn T cho rằng năm 1994, gia đình ông được cấp sổ bìa xanh đối với khu đất đồi rừng này là lô đất số 119, diện tích 03 ha. Sau khi nhận giao đất, gia đình ông trồng hồi và hàng năm khoanh nuôi, tu bổ, bảo vệ rừng được giao, năm 1997 thì gia đình ông Phùng Văn P thuê người san ủi một phần diện tích đất rừng của gia đình ông được giao quản lý và ông đã viết đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được xem xét giải quyết, nên đã xảy ra tranh chấp từ đó đến nay. Tuy nhiên, ông Đàm Văn T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, thể hiện ông đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, mặt khác ông Đàm Văn T thừa nhận gia đình ông Phong kể từ khi san ủi đến nay vẫn quản lý sử dụng. Tại Công văn số 76/BC-UBND ngày 27/7/2018, Ủy ban nhân dân xã Q khẳng định: Từ năm 1992 đến năm 2012, gia đình ông Đàm Văn T không canh tác, quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, do ông Phùng Văn P thuê máy san ủi để làm nền nhà và quản lý từ năm 1992

đến năm 2013 thì xảy ra tranh chấp và kéo dài đến nay; tại các biên bản xác minh ngày 09/01/2018 của cán bộ địa chính xã Q và đại diện thôn B, xã Q, đại diện những hộ dân sinh sống lâu đời tại thôn B là ông Đinh Văn N và ông Hoàng Bách T đều khẳng định không thấy gia đình ông Đàm Văn T canh tác, quản lý, sử dụng diện tích đất này.

[2] Tại cấp phúc thẩm ông Đàm Văn T yêu cầu trưng cầu giám định diện tích đất tranh chấp để làm căn cứ chứng minh diện tích đất này nằm trong lô đất rừng số 119, diện tích 3,9ha trong sổ bìa xanh của gia đình ông.

[3] Tại bản kết luận giám định tư pháp ngày 28/01/2019 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, kết luận nội dung giám định tại mục: *"7.3.2 của mục 7 có ghi:.. Xét đoán bằng mắt thường (phương pháp nội suy) dựa trên các yêu tố địa hình, địa vật...giữa các tài liệu với Sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp, xác định diện tích đất tranh chấp 251,1m^2 không nằm trong lô số 119 theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ bìa xanh) của gia đình ông Đàm Văn T..."*.

[4] Sau khi có kết quả giám định ông Đàm Văn T có đơn yêu cầu giám định lại lý do cho rằng thửa đất tranh chấp năm trong lô đất rừng số 120, diện tích 0,7ha gia đình ông đã được cấp sổ bìa xanh theo Quyết định số 01/QĐ-UB ngày 15/10/1994 của UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích đối chiếu với sổ lâm bạ, sổ bìa xanh, xác định gia đình ông chỉ được giao một lô đất 119 ông Đàm Văn T đã không yêu cầu giám định lại và khẳng định đất tranh chấp năm trong lô đất rừng số 119 của gia đình ông và ông yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng. Căn cứ vào kết luận giám định, việc ông Đàm Văn T cho rằng diện tích đất tranh chấp nằm trong lô đất số 119 là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Như vậy, lời khai của ông Phùng Văn P trình bày việc kể từ khi gia đình ông san ủi diện tích đất tranh chấp từ những năm 1992- 1993 và hàng năm gia đình ông vẫn phát quang để quản lý và giữ đất là phù hợp báo cáo và các biên bản xác minh do Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp; kết quả giám định tư pháp.

[6] Đối với ông Đàm Văn T từ năm 2008, khi thực dự án đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình đang sử dụng đất, ông Đàm Văn T làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 344, diện tích 16.323m^2. Trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đàm Văn T thể hiện nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là từ 15/10/1994, phù hợp với thời điểm sử dụng lô đất số 119 trong sổ bìa xanh của ông Đàm Văn T; đối chiếu tờ bản đồ địa chính số 02 xã Q đo vẽ năm 2008 phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 328, giáp ranh với thửa đất số 344, không nằm trong thửa đất số 344 của hộ gia đình ông Đàm Văn T. Khi thực hiện kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 344 ông Đàm Văn T và các hộ sử dụng đất tiếp giáp là bà Phạm Thị N, ông Bế Văn P tiến hành dẫn đạc và cùng ký xác định vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất. Vì vậy, từ năm 2008, ông Đàm Văn T đã biết rõ diện tích đất đang tranh chấp, không nằm trong thửa đất số 344 của ông Đàm

Văn T đã kê khai, nhưng gia đình ông Đàm Văn T không có khiếu nại gì đối với quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về việc không cấp phần diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đàm Văn T không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để xác định phần diện tích đất 251,1m^2 năm trong lô số 119 theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ bìa xanh) của gia đình ông Đàm Văn T. Có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 328, tờ bản đồ địa chính số 02 nằm ở phía Đông – Đông Nam so với đường Quốc lộ 3B là của gia đình ông Phùng Văn P quản lý, sử dụng từ năm 1992 đến năm 2013 thì mới xảy ra tranh chấp và kéo dài cho đến ngày nay. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu đòi quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp của ông Đàm Văn T là có căn cứ. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn T, cần giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm xử cho ông Phùng Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên bản án sơ thẩm ghi "tạm giao đất cho ông Phùng Văn P" là không đúng quy định nên cần sửa lời tuyên. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, nên ông Đàm Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 2.600.000 đồng.

[9] Về chi phí giám định: Căn cứ kết quả giám định của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận diện tích đất tranh chấp không nằm trong thửa đất số 119 của ông Đàm Văn T được giao quản lý, sử dụng nên ông Đàm Văn T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định là 2.000.000,đồng. Xác nhận ông Đàm Văn T đã nộp đủ số tiền trên.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đàm Văn T có đơn xin miễn án phí. Xét thấy ông Đàm Văn T là con của liệt sĩ, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cấp sơ thẩm đã miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đàm Văn T là đúng nên giữ nguyên.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo quy định của pháp luật ông Đàm Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông Đàm Văn T đã có đơn xin miễn toàn bộ án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí, Do vậy miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đàm Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 100, 101, 166, khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Về quyền sử dụng đất:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Văn T đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 251,1m^2, là một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121 xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

2. Ông Phùng Văn P được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 251,1m^2, là một phần của thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 121 xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, ranh giới tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155, chiều dài cạnh là 18,61m;

- Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155, chiều dài cạnh là 12,63m;

- Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 155 có chiều dài cạnh là 12,07m;

- Phía Tây giáp đường quốc lộ 3B, có tổng chiều dài các cạnh là 6,71m + 12,43m + 13,59m.

(có sơ họa khu đất kèm theo).

3. Ông Phùng Văn P có nghĩa vụ đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Buộc ông Đàm Văn T phải chấm dứt việc tranh quyền quản lý, sử dụng 251,1m^2 đất đối với ông Phùng Văn P.

II. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định: Ông Đàm Văn T phải chịu số tiền 4.600.000,đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Đàm Văn T đã nộp đủ số tiền 4.600.000,đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

III. Về án phí:

Ông Đàm Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Đàm Văn T số tiền đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0000283 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện T, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm